

QUYẾT ĐỊNH

Kg 13
13/12
Ban hành Quy trình xử lý công thư của ICAO (State Letters),
xác định và thông báo sự khác biệt trong việc thực hiện các tiêu chuẩn và
khuyến cáo thực hành của ICAO (SARP) và Phương thức không vận (PANS)

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Nhà chức
trách hàng không;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 1 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức bộ máy của Cục Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng;

Căn cứ Phụ ước số 15 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị quyết số A38-11 của Đại hội đồng ICAO;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay, Trưởng phòng Hợp
tác Quốc tế và Trưởng Phòng Pháp chế Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

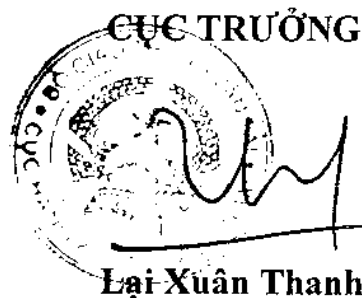
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình xử lý công thư của
ICAO xác định và thông báo sự khác biệt giữa các quy định của Việt Nam với
các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO (SARP) và Tài liệu về
phương thức không vận (PANS)”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định
721/QĐ-CHK ngày 11/5/2016 của Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam ban
hành Quy trình triển khai cập nhật các quy định mới của ICAO vào hệ thống văn
bản của Việt Nam và công bố sự khác biệt so với tiêu chuẩn, khuyến cáo thực
hành của ICAO.

Điều 3. Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Quản lý hoạt động
bay, Trưởng phòng Pháp chế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ca*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, PC. *ta*

CỤC TRƯỞNG

Lại Xuân Thanh

**QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG CÔNG THỦ ICAO,
XÁC ĐỊNH VÀ THÔNG BÁO SỰ KHÁC BIỆT TRONG VIỆC THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHUẨN, KHUYẾN CÁO THỰC HÀNH VÀ
CÁC PHƯƠNG THỨC KHÔNG VẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2231/QĐ-CHK ngày 13/12/2016)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Tiêu chuẩn: là bất kỳ đặc điểm kỹ thuật về đặc tính vật lý, cấu hình, trang thiết bị, tính năng, nhân viên hoặc các thủ tục mà việc áp dụng thống nhất các nội dung này được công nhận là cần thiết cho sự an toàn, điều hòa, hiệu quả hoạt động bay quốc tế được quy định tại các Phụ ước và các quốc gia ký kết sẽ tuân thủ theo quy định của Công ước; trong trường hợp không thể tuân thủ, việc thông báo cho Hội đồng là bắt buộc theo Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng.

2. Khuyến cáo thực hành: là bất kỳ đặc điểm kỹ thuật về đặc tính vật lý, cấu hình, trang thiết bị, tính năng, nhân viên hoặc các thủ tục mà việc áp dụng thống nhất các nội dung này được công nhận là cần thiết cho sự an toàn, điều hòa, hiệu quả hoạt động bay quốc tế được quy định tại các Phụ ước và các quốc gia ký kết sẽ cố gắng tuân theo quy định của Công ước; trong trường hợp không thể tuân thủ, việc thông báo cho Hội đồng được khuyến khích theo Nghị quyết Đại hội đồng.

3. Sự khác biệt theo Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng và Nghị quyết A38-11 của Đại hội đồng ICAO được xác định như sau:

a) Quy định và việc thực hiện của Việt Nam đòi hỏi cao hơn SARP hoặc PANS tương ứng, hoặc áp đặt một nghĩa vụ trong phạm vi mà không được SARP hoặc PANS điều chỉnh;

b) Quy định của Việt Nam khác về đặc tính hoặc các biện pháp tuân thủ so với quy định của ICAO. Dạng này được áp dụng khi quy định và thông lệ thực tế Việt Nam khác nhau so với đặc điểm của SARP, PANS tương ứng, hoặc khi các quy định và của Việt Nam khác về tính chất nguyên tắc, loại hoặc tính hệ thống theo SARP, PANS tương ứng mà không nhất thiết phải áp đặt một nghĩa vụ bổ sung;

c) Quy định của Việt Nam ít ngăn chặn phòng ngừa hơn SARP, PANS tương ứng hoặc quy định của Việt Nam không được ban hành để yêu cầu việc áp dụng các SARP, PANS tương ứng toàn bộ hoặc một phần hoặc Việt Nam không thực hiện được trong thực tế các SARP, PANS tương ứng.

Điều 2. Nhận diện và thông báo sự khác biệt

1. Các Phòng có trách nhiệm đánh giá, xác định sự khác biệt với các yêu cầu của ICAO tại các Phụ ước tương ứng được phân công tại Phụ lục 1 của Quy trình này.



2. Việc rà soát, đối chiếu và nhận diện khác biệt phải được lập thành văn bản hoặc dữ liệu điện tử và có sự đánh giá đối với từng SARP cụ thể hoặc các điều khoản tương ứng đối với PANS.

3. Các khác biệt quan trọng sau phải được thể hiện trong tập Tập thông báo tin tức hàng không của Việt Nam (AIP Việt Nam):

- a) Khác biệt với các tiêu chuẩn quốc tế (International Standards - Annex);
- b) Khác biệt với các khuyến nghị thực hành (Recommended Practices - Annex) quan trọng đối với an toàn hoạt động bay và những khuyến nghị trong lĩnh vực đơn giản hóa thủ tục liên quan đến hải quan, xuất nhập cảnh tàu bay và hàng hóa;
- c) Phương thức không vận (PANS) quan trọng đối với an toàn bay;
- d) Các phương thức bổ sung khu vực (SUPPs) quan trọng đối với an toàn hoạt động bay.

Điều 3. Xử lý các State Letter về đề xuất tu chỉnh đối với SARPs, PANS

1. Ngay sau khi nhận được công thư của ICAO (State Letter) về đề xuất tu chỉnh các SARPs và PANS, Phòng Hợp tác quốc tế đăng ký vào hệ thống quản lý State Letter và căn cứ nội dung liên quan để gửi Phòng chuyên môn (chủ trì xử lý theo trách nhiệm phân công tại Phụ lục I của Quy trình này) đồng thời gửi lãnh đạo Cục phụ trách để báo cáo.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc, Phòng chủ trì xử lý có trách nhiệm nghiên cứu công thư của ICAO và báo cáo lãnh đạo Cục phụ trách về các nội dung sau:

a) Đánh giá về nội dung đề xuất sửa đổi các SARP và PANS trong trường hợp áp dụng tại Việt Nam; sự cần thiết phải nghiên cứu bổ sung, việc lấy ý kiến các cơ quan đơn vị có liên quan (nếu có); khả năng tuân thủ của Việt Nam;

b) Dự kiến kế hoạch xây dựng hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác để thực hiện SARP và PANS tại Việt Nam;

c) Dự kiến quá trình tổ chức, triển khai thực hiện các SARP và PANS được tu chỉnh;

d) Dự thảo nội dung công thư trả lời gửi ICAO theo mẫu (Response Form) theo thời hạn quy định.

3. Trường hợp thấy rằng Việt Nam không thể có khả năng tuân thủ ngay khi các SARPs, PANS này có hiệu lực (theo ngày dự kiến tại thông báo của ICAO), Phòng chủ trì xử lý lập danh mục các khác biệt với SARPs, PANS gồm các nội dung sau:

a) Số lượng các đoạn hoặc các điểm được sửa đổi, trong đó có các SARPs, PANS mà có sự khác biệt liên quan;

Ca

b) Những lý do Việt Nam không thực hiện theo SARP, PANS hoặc xét thấy cần thiết phải áp dụng quy định hoặc thực hành khác nhau; mô tả rõ ràng và ngắn gọn về sự khác biệt;

c) Dự kiến kế hoạch tuân thủ trong tương lai và thời điểm mà Việt Nam có kế hoạch để xác nhận tuân thủ và loại bỏ sự khác biệt;

d) Các hình thức khác biệt và việc mô tả sự khác biệt được nêu tại Phụ lục II của Quy chế này.

4. Trước ngày hết hạn trả lời (được xác định theo từng State Letters) chậm nhất 10 ngày, Phòng chủ trì xử lý thực hiện việc báo cáo lãnh đạo Cục tổ chức cuộc họp Tổ tiêu chuẩn hóa các quy định về an toàn hàng không (ASST) để thông qua nội dung trả lời ICAO về việc đồng ý, không đồng ý đối với các đề xuất sửa đổi SARPS.

5. Sau khi nội dung trả lời ICAO được Cục trưởng hoặc Lãnh đạo Cục phụ trách phê duyệt, Phòng Hợp tác quốc tế thực hiện quy trình xử lý công thư gửi ICAO trước thời hạn trả lời.

6. Nội dung công thư trả lời ICAO theo mẫu (Response Form) phải xác định được ý kiến trả lời thuộc một trong hai trường hợp sau:

a) Đồng ý với nội dung dự thảo đề xuất, có thể có hoặc không kèm nhận xét, ý kiến;

b) Không đồng ý với nội dung dự thảo đề xuất, có thể có hoặc không kèm nhận xét, ý kiến.

Điều 4. Đối với State Letters thông báo việc thông qua tu chính đối với SARPs, PANS

1. Ngay sau khi nhận được công thư của ICAO (State Letter) về thông qua tu chính các SARPs và PANS, Phòng Hợp tác quốc tế gửi lại theo các địa chỉ tại khoản 1 Điều 3.

2. Phòng chủ trì xử lý rà soát từng nội dung SARPs, PANS chính thức đã được sửa đổi theo nội dung đã báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3; rà soát danh mục theo quy định tại khoản 4 Điều 3; lập danh mục các khác biệt thỏa mãn các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3.

3. Sau khi lãnh đạo Cục thông qua các nội dung tại khoản 2 Điều này, trước hạn trả lời 7 ngày, Phòng chủ trì xử lý công thư ICAO có nhiệm vụ:

a) Gửi Phòng Hợp tác quốc tế tài liệu liên quan để thực hiện quy trình thông báo cho ICAO và quản lý theo hệ thống ISTAR của ICAO;

b) Gửi Phòng Quản lý hoạt động bay danh mục các khác biệt đáng kể để thực hiện thủ tục công bố trên AIP;

c) Gửi Phòng Pháp chế kế hoạch sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các SARPs, PANS có hiệu lực;

d) Cập nhật khác biệt trên hệ thống CC-EFOD của ICAO theo phạm vi các Phụ ước được giao trách nhiệm;

đ) Triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch được lãnh đạo Cục phê duyệt theo nội dung tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Đối với State Letters khác

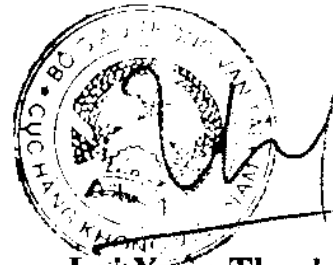
1. Ngay sau khi nhận được công thư của ICAO ngoài trường hợp quy định tại Điều 3 và 4 Quy chế này, Phòng Hợp tác quốc tế đăng ký vào hệ thống quản lý State letter và căn cứ nội dung liên quan gửi các Phòng đồng thời gửi lãnh đạo Cục phụ trách lĩnh vực Phòng chủ trì xử lý.

2. Trong vòng 5 ngày làm việc, các Phòng chủ trì xử lý của Cục HKVN nghiên cứu công thư của ICAO, báo cáo lãnh đạo Cục phụ trách đồng thời gửi Phòng Hợp tác quốc tế các nội dung liên quan cần xử lý để trả lời ICAO.

3. Phòng Hợp tác quốc tế trong vòng 2 ngày làm việc báo cáo lãnh đạo Cục phụ trách ý kiến của Phòng về các nội dung liên quan. Sau khi lãnh đạo Cục có ý kiến về nội dung trả lời ICAO, Phòng chủ trì xử lý thực hiện các nhiệm vụ và dự thảo nội dung công thư trả lời.

4. Trước ngày hết hạn trả lời ít nhất 5 ngày, Phòng chủ trì xử lý gửi tài liệu liên quan để Phòng Hợp tác quốc tế thực hiện thủ tục gửi công thư trả lời ICAO trong thời hạn yêu cầu, sau khi được Cục trưởng phê duyệt./.

CỤC TRƯỞNG



Lại Xuân Thanh

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CỤC

STT	Nội dung Công ước	Chủ trì	Phối hợp
Phụ ước 1 (Annex 1)	Giấy phép nhân viên hàng không (Personnel Licensing)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 2 (Annex 2)	Quy tắc bay (Rules of the Air)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 3 (Annex 3)	Dịch vụ khí tượng (Meteorological Service for International)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 4 (Annex 4)	Bản đồ hàng không (Aeronautical Charts)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 5 (Annex 5)	Các đơn vị đo lường sử dụng trên không và khai thác mặt đất (Units of Measurement to be Used in Air and Ground Operations)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 6 (Annex 6)	Khai thác tàu bay (Operation of Aircraft)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 7 (Annex 7)	Quốc tịch và Số hiệu đăng ký tàu bay (Aircraft Nationality and Registration Marks)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 8 (Annex 8)	Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay (Airworthiness of Aircraft)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 9 (Annex 9)	Đơn giản hóa thủ tục (Facilitation)	Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 10 (Annex 10)	Thông tin hàng không (Aeronautical Telecommunications)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 11 (Annex 11)	Dịch vụ không lưu (Air Traffic Services)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 12	Tim kiếm và cứu nạn	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT

ln

(Annex 12)	(Search and Rescue)	động bay	và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 13 (Annex 13)	Điều tra tai nạn và sự cố tàu bay (Aircraft Accident and Incident Investigation)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 14 (Annex 14)	Cảng hàng không, sân bay (Aerodromes)	Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 15 (Annex 15)	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không (Aeronautical Information Services)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 16 (Annex 16)	Bảo vệ môi trường (Environmental Protection)	Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 17 (Annex 17)	An ninh: Bảo vệ hàng không dân dụng quốc tế chống lại các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Security: Safeguarding International Civil Aviation Against Acts of Unlawful Interference)	Phòng An ninh hàng không	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 18 (Annex 18)	Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không (The Safe Transport of Dangerous Goods by Air)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ ước 19 (Annex 19)	Hệ thống quản lý an toàn (Safety Management System)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan
PANS	Phương thức không vận (Procedures for Air Navigation Service)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC, HTQT và các đơn vị có liên quan

Ca

Phụ lục II
PHƯƠNG PHÁP MÔ TẢ SỰ KHÁC BIỆT

1. Yêu cầu của quốc gia chính xác hoặc vượt yêu cầu SARPs

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 2, 3.3.1.3	A flight plan shall be submitted before departure to an air traffic services reporting office or, during flight, transmitted to the appropriate air traffic services unit or air-ground control radio station, unless arrangements have been made for submission of repetitive flight plans.	For flights crossing international borders, the flight plan should be submitted at least 30 minutes prior to departure	This additional requirement is necessary for the air traffic flow management system and procedures used (in the State notifying the difference)

2. Yêu cầu của quốc gia thành viên khác về đặc tính hoặc phương pháp tuân thủ:

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 3, 6.5.3	Area forecasts for low-level flights prepared in support of the issuance of AIRMET information shall be issued every 6 hours for a period of validity of 6 hours and transmitted to meteorological watch offices and/or aerodrome meteorological offices concerned not later than one hour prior to the beginning of their validity period.	The area forecasts are issued every 3 hours instead of 6 hours, from 0700 to 2200 local time, and once at 0100 with a validity of 6 hours (until 0700)	The frequency and issuance periods are considered to offer a better benefit/cost ratio.

3. Yêu cầu của quốc gia thành viên ít ngăn chặn, phòng ngừa hơn hoặc được thực hiện một phần hoặc không được thực hiện.

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 11, 2.31.1	Each prohibited area, restricted area, or danger area established by a State shall, upon initial establishment, be given an identification and full details shall be promulgated.	Even though this standard is implemented in practice, it has not been incorporated into national regulations.	Incorporation is planned for the 2016 air traffic services code of regulations update.

ca